

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05-6-2020
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền
Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hiền.
2. Ông Đinh Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Liên- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 105/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Chỗ ở hiện nay: Khu phố P, phường M thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Chỗ ở hiện nay: Khu phố P, phường M, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình hòa giải nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định vào ngày 26/7/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và cách sống dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, không cảm thông cho nhau, thường xuyên cãi vã, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Bà T và ông N đã tự ý chấm dứt cuộc sống chung từ tháng 5 năm 2019

đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn N có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thùy T, sinh ngày 20/11/2011. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Bà T tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N vẫn không đến Tòa án làm việc mà không có lý do, vì thế Tòa án không thể tổ chức hòa giải để thuyết phục động viên các bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm để trở về đoàn tụ với nhau. Sau nhiều lần vắng mặt, đại diện Tòa án cũng đã phối hợp với công ty nơi ông N làm việc để làm rõ tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà T, ông N và tìm hiểu nguyên nhân vắng mặt của ông N nhưng không gặp được ông N.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông N

Về con chung: Đề nghị tiếp tục giao con chung là Lê Nguyễn Thùy T, sinh ngày 20/11/2011 cho bà N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) theo nguyện vọng của cháu T

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc bà T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có sinh sống, làm việc tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn

tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bà T và ông N tiến tới hôn nhân chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Bà T và ông N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định vào ngày 26/7/2011. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà T chung sống với nhau hạnh phúc và đến năm 2017 thì mới xảy ra mâu thuẫn. Theo bà T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống và cách sống dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, không cảm thông cho nhau, thường xuyên cãi vã, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù, đây chỉ là lời khai của một phía và không có sự xác nhận của ông N nhưng điều đó cũng thể hiện trong cuộc sống chung giữa bà T và ông N đã có những mâu thuẫn nhất định.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho ông N nhưng ông N từ chối và cũng không cung cấp ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của bà T. Điều đó thể hiện ông N không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân của mình. Đối với bà T vẫn cương quyết và có nguyện vọng được ly hôn với ông N, bà T không đồng ý đoàn tụ với ông N.

Từ những căn cứ trên, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T, ông N là có thật và đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn với ông N là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T, ông N có 01 con chung là Lê Nguyễn Thùy T, sinh ngày 20/11/2011. Theo nguyện vọng của con, bà T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc con chung cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Bà T tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện bà T là người đang trực tiếp chăm sóc cháu T nên cần tiếp tục giao cháu T cho bà T chăm sóc là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Văn N.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn N có 01 người con chung là Lê Nguyễn Thùy T, sinh ngày 20/11/2011. Giao con chung là Lê Nguyễn Thùy T, sinh ngày 20/11/2011 cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Bà Nguyễn Thị T tự nguyện không yêu cầu ông Lê Văn N cấp dưỡng nuôi con

Ông Lê Văn N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004408 ngày 21-02-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy bà T đã nộp xong án phí .

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- NĐKKH: UBND xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Thị Hiền